

(Đề thi có 03 trang)

Họ và tên học sinh:..... Số báo danh:

Mã đề 101

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tìm kết quả đoạn chương trình sau:

```
c=0
S="12345"
for ch in S:
    if (int(ch)%2!=0):
        c=c+1
print(c)
```

- A. 3 B. '3' C. 3 4 5 D. '24'

Câu 2. Cho đoạn chương trình, tìm kết quả đoạn chương trình sau?

```
k=3
while k<15:
    print(k, end=" ")
    k=k+3
```

- A. 6 9 12 15 B. 3 6 9 12 15 C. 3 6 9 12 D. 6 9 12

Câu 3. Các chuỗi ký tự sau, chuỗi nào là chuỗi KHÔNG hợp lệ?

- A. "1027445" B. 23344=dhhjjj C. "123\$#%" D. "Quảng Nam"

Câu 4. Lệnh >>> "abcd1234".find("12") cho kết quả:

- A. 5 B. 3 C. 6 D. 4

Câu 5. Phát biểu nào sau đây là SAI?

- A. Lệnh insert chèn phần tử vào danh sách không cần chỉ số, vị trí chèn.
B. Lệnh A.remove(x) sẽ xóa phần tử đầu tiên của danh sách có giá trị x
C. Có thể duyệt nhanh từng phần tử của danh sách bằng toán tử in và lệnh for mà không cần sử dụng lệnh range()
D. Lệnh A.append(x) bổ sung phần tử x vào cuối danh sách.

Câu 6. Đoạn chương trình sau thực hiện việc gì?

```
>>> X="3,5,7,8,9,6"
>>> X.split(",")
['3', '5', '7', '8', '9', '6']
```

- A. Tách chuỗi X dùng dấu phẩy để phân biệt tách. B. Tách chuỗi X dùng dấu cách để phân biệt tách.
C. Tách danh sách X thành chuỗi ký tự. D. Tách từng số của chuỗi X thành chuỗi ký tự.

Câu 7. Câu lệnh nào sau đây dùng toán tử in để kiểm tra <giá trị> có trong <danh sách> không?

- A. <giá trị> in <danh sách> B. <danh sách> in <giá trị>
C. in <giá trị> D. in <danh sách>

Câu 8. Cho biết kết quả của đoạn lệnh sau?

```
A = [1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9]
for i in range(1, 5):
    print(A[i], end=" ")
```

- A. 1 2 3 4 5 B. 2 3 4 5 C. 3 4 5 6 D. 2 3 4 5 6

Câu 9. Chọn cấu trúc câu lệnh while?

- A. while <điều kiện>;
<khối lệnh> B. while <điều kiện>:
<khối lệnh> C. while <điều kiện>
<khối lệnh>. D. while <điều kiện>
<khối lệnh>;

Câu 10. Lệnh nào sau đây dùng để tách xâu thành danh sách các từ:

- A. copy() B. join() C. split() D. remove()

Câu 11. Trong Python, câu lệnh nào dùng để tính độ dài của xâu s?

- A. len(s) B. length(s) C. s. length() D. s.len()

Câu 12. Lệnh nào được thực hiện tại vị trí dấu ... trong đoạn chương trình sau?

```
>>> A = ['1', '2', '3', '4']
>>> ...
      '1 2 3 4'
```

- A. " ".join(A) B. A.split() C. ", ".join(A) D. A.split(" ", " ")

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Giáo viên yêu cầu các nhóm thảo luận về việc viết chương trình tính tổng các số nguyên từ 1 đến 100. Một số bạn trong nhóm có các ý kiến sau:

- a) Chỉ có thể sử dụng vòng lặp for để tính tổng các số tự nhiên từ 1 đến 100.
- b) Có thể sử dụng vòng lặp for hoặc vòng lặp while để giải bài này.
- c) Vòng lặp while có thể sử dụng khi chưa biết trước số lần lặp.
- d) Đoạn chương trình tính tổng $S=1+2+3+\dots+100$ có thể viết như sau:

```
S=0
while k<100:
    S=S+k
    k=k+1
print (S)
```

Câu 2. Một nhóm học sinh tìm hiểu về kiểu dữ liệu danh sách trong Python. Một số ý kiến cho rằng:

- a) Danh sách chỉ có thể chứa các số nguyên.
- b) Danh sách trong Python gồm các phần tử có thể có kiểu dữ liệu khác nhau như: số nguyên, số thực, xâu ký tự...
- c) [1, 2.5, "hello", 6,7,8] là một danh sách hợp lệ trong Python.
- d) Kết quả đoạn chương trình sau là: [2,4,6,8,9,10]

```
>>> B=[2,4,6,9,8]
>>> B.append(10)
>>> B
```

Câu 3. An đang học về xâu ký tự trong Python. An cho rằng:

- a) Xâu ký tự trong Python là dãy các ký tự Unicode.
- b) Xâu ký tự và danh sách là hai kiểu dữ liệu hoàn toàn giống nhau.
- c) Có thể truy cập từng ký tự trong xâu thông qua chỉ số, giống như với danh sách.
- d) Có thể sử dụng lệnh for kết hợp toán tử in để duyệt qua từng ký tự trong xâu "Hello".

Câu 4. Thảo luận về việc xác định giá trị phần tử trong danh sách

$B = [14, 15, 19, 21, 27]$. Một số ý kiến cho rằng:

- a) $B[1]$ có giá trị là 14.
- b) Lệnh $\text{len}(B)$ dùng để tính độ dài danh sách B, kết quả $\text{len}(B)$ là 5.
- c) $B[\text{len}(B)-1]$ có giá trị là 27
- d) Danh sách B có số phần tử lẻ nên phần tử ngay chính giữa danh sách là $B[\text{len}(B)//2]$

PHẦN III. Tự luận:

Câu 1: (0.5đ)

- Lệnh **del A[len(A)-1]** thực hiện việc gì?
- Lệnh thêm phần tử vào cuối danh sách là gì?

Câu 2. (1đ) Cho biết kết quả sau khi thực hiện các lệnh sau?

- | | | | |
|----|---|----|---|
| a. | <pre>>>> A=[1, 2, 6, 10] >>> A.insert(3,5) >>> A</pre> | b. | <pre>>>> B=[3, 4, 6, 8] >>> B.remove(6) >>> B.clear() >>> B</pre> |
|----|---|----|---|

Câu 3. (1.5đ) (VD Bài 25) Lệnh sau trả lại giá trị gì?

```
>>> xm="Lúa nếp là lúa nếp làng lúa lên lớp lớp lòng nàng lâng lâng"
```

```
>>> x1="lúa"
```

- >>> xm.find(x1)
- >>> xm.find(x1,12)
- >>> xm.find(x1,25)

----**HẾT**----

ĐÁP ÁN TIN 10 GKII 24-25

Phần I và II:

Câu hỏi	101	102	103	104	105	106	107	108
1	A	A	D	B	A	D	D	D
2	C	B	B	C	B	D	A	C
3	B	C	B	A	A	B	D	C
4	D	D	B	D	A	B	B	B
5	A	C	A	B	A	A	B	B
6	A	C	C	D	C	A	C	C
7	A	C	C	D	C	A	B	A
8	B	A	D	C	B	D	C	A
9	B	C	B	A	A	A	A	A
10	C	D	C	D	C	B	C	A
11	A	A	D	D	A	B	B	A
12	A	D	B	A	B	A	C	A
13	SĐĐS	SĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐSĐĐ	ĐSĐĐ	ĐSĐĐ	SĐĐĐ	SĐĐS
14	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐĐ
15	ĐSĐĐ	ĐSĐĐ	SĐĐS	SĐĐĐ	SĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐSĐĐ	SĐĐS
16	SĐĐĐ	SĐĐS	ĐSĐĐ	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐS	ĐSĐĐ

Phần tự luận:

Đề lẻ:

Câu 1: (0.5 đ)

a. Lệnh `del A[len(A)-1]` thực hiện việc gì?

=> **xoá phần tử cuối cùng của danh sách A**

b. Lệnh thêm phần tử vào cuối danh sách là gì?

<danh sách>.append()

Câu 2. (1đ) Cho biết kết quả sau khi thực hiện các lệnh sau?

a.

```
>>> A=[1, 2, 6, 10]
>>> A.insert(3,5)
>>> A
```

b.

```
>>> B=[3, 4, 6, 8]
>>> B.remove(6)
>>> B.clear()
>>> B
```

=> **[1, 2, 6, 5, 10]**

=> **[]**

Câu 3. (1.5đ) Lệnh sau trả lại giá trị gì?

```
>>> xm="Lúa nếp là lúa nếp làng lúa lên lớp lớp lòng nàng lâng lâng"
```

```
>>> x1="lúa"
```

- a. >>> xm.find(x1) => 11
b. >>> xm.find(x1,12) => 24
c. >>> xm.find(x1,25) => -1

Đề chẵn:

Câu 1. (0.5đ)

a. Lệnh **del A[5]** thực hiện việc gì?

=> **xoá phần tử có chỉ số 5 của danh sách A**

b. Dùng lệnh gì để duyệt lần lượt các phần tử của danh sách?

- **lệnh for kết hợp với vùng giá trị của lệnh range()**

Hoặc – dùng toán tử in kết hợp lệnh for mà không sử dụng lệnh range()

Câu 2. (1đ) Cho biết kết quả sau khi thực hiện các lệnh sau?

a.

```
>>> A=[3, 8, 7, 9]
>>> A.insert(2,5)
>>> A
```

b.

```
>>> B=[4, 6, 7, 9]
>>> B.clear()
>>> B.remove(7)
>>> B
```

=> **[3, 8, 5, 7, 9]**

=> **[]**

Câu 3. (1.5đ) Lệnh sau trả lại giá trị gì?

>>>xm="Lúa nếp là lúa nếp làng lúa lên lớp lớp lòng nàng làng làng"

>>> x2="nếp"

a. >>> xm.find(x2) => 4

b. >>> xm.find(x2,17) => -1

c. >>> xm.find(x2,13) => 15

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ¹			Trả lời ngắn ²									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 5: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH	Bài 21. Câu lệnh lặp While	1		1	2	1	1							3	1	2	15%
		Bài 22. Kiểu dữ liệu danh sách				2	1	1				1			2 1TL	1	1	20%
		Bài 23. Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách	1	1	1	2	1	1					1		3	2 1TL	2	27.5%
		Bài 24. Xâu kí tự	1	1	1	2	1	1							3	2	2	27.5%
		Bài 25. Một số lệnh làm việc với xâu kí tự	1	2	1									1	1	2	1 1TL	10%
Tổng số câu			4	4	4	8	4	4				1	1	1	12(TN) 1(TL)	8(TN) 1(TL)	8(TN) 1(TL)	
Tổng số điểm			3,0 ³			4,0			0,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			30			40			00			30			40	30	30	100%

¹ Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu xếp loại câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có nhiều phương án đúng*.

² Đối với môn học không sử dụng dạng này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng “Đúng – Sai”.

³ Lựa chọn sao cho được khoảng 3,0 điểm, tương ứng với tỉ lệ khoảng 30%; tương tự như thế đối với các dạng khác.

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								
				TNKQ						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”			Trả lời ngắn		
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 5: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH	Bài 21. Câu lệnh lặp While	- Biết cấu trúc câu lệnh while - Biết cách dùng vòng lặp while - Hiểu vòng lặp while có thể sử dụng khi chưa biết trước số lần lặp - VD tìm kết quả đoạn chương trình - VD Viết đoạn chương trình tính tổng $S=1+2+3+...+100$.	1		1	2	1	1			
		Bài 22. Kiểu dữ liệu danh sách	- Biết các phần tử trong danh sách có thể chứa số nguyên, số thực, xâu kí tự..... - Biết phần tử trong danh sách có thể có kiểu dữ liệu khác nhau... - Biết lệnh del dùng để làm gì? - Biết lệnh thêm phần tử vào cuối danh sách. - Biết duyệt lần lượt các phần tử của danh sách bằng gì? - Hiểu cách khởi gán 1 danh sách - VD Cho biết kết quả của lệnh thêm phần tử vào cuối danh sách.				2	1	1			1

			...												
		Bài 23. Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách	- Biết câu lệnh dùng toán tử in - Biết cách truy vấn từng phần tử của danh sách. - Biết lệnh tính độ dài danh sách. - Hiểu cấu trúc lệnh insert có chức năng chèn phần tử vào danh sách. - Hiểu cách xác định giá trị phần tử thông qua chỉ số. - Hiểu cấu trúc, tác dụng lệnh insert(k,x). - VD Tìm được kết quả khi cho trước đoạn chương trình. - VD xác định chỉ số phần tử cần tìm trong danh sách.	1	1	1	2	1	1					1	
		Bài 24. Xâu kí tự	- Biết câu lệnh nào dùng để tính độ dài của xâu. - Biết định nghĩa xâu. - Biết xâu và danh sách có những đặc điểm giống và khác nhau. - Hiểu cách gán xâu, xác định được xâu hợp lệ. - Hiểu cách truy cập phần tử xâu thông qua chỉ số. - VD tìm được kết quả đoạn chương trình xử lí xâu - VD cách duyệt xâu dùng cách nào? - VD Viết chương trình nhập xâu bất kì, đếm phần tử trong xâu.	1	1	1	2	1	1						

		Bài 25. Một số lệnh làm việc với chuỗi kí tự	- Biết lệnh tách chuỗi thành danh sách các từ - Hiểu lệnh find() dùng để làm gì? - Hiểu lệnh split() dùng để làm gì? - VD lệnh nối danh sách các từ thành chuỗi. - VD Cho biết kết quả của các lệnh cho sẵn.	1	2	1									1
Tổng số câu				4	4	4	8	4	4				1	1	1
Tổng số điểm				3,0			4,0			0,0			3,0		
Tỉ lệ %				30			40			00			30		